

Bản án số: 21/2022/HS-ST
Ngày: 13-4-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Xuân Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Bá Duy Phương

Bà Dương Hữu Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 12/2022/HS-ST ngày 01 tháng 3 năm 2022, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/HSST-QĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo:

HÀ ANH Q, giới tính: Nam, sinh ngày 26-4-1999 tại Khánh Hòa; trú tại: xã C, huyện R, tỉnh K; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Hà Văn T và bà Đào Thị S; tiền án, tiền sự: không; bị bắt phạm tội quả tang ngày 18-7-2021. (Có mặt).

Bị hại: Đỗ Thị Thái T, sinh 1999

Địa chỉ: 58/6 đường T, phường P, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối năm 2019, Hà Anh Q và chị Đỗ Thị Thái T có quen biết qua mạng xã hội Zalo. Sau đó, Q hẹn chị T đi xem phim tại một rạp phim trên địa bàn quận Bình Thạnh, Q ngỏ ý muốn quan hệ tình dục với chị T trong rạp phim nhưng chị T không đồng ý. Khi ra khỏi rạp chiếu phim, Q mượn điện thoại của chị T rồi giữ nhằm ép T phải quan hệ tình dục với mình. Sau đó, Q và chị T thuê 01 khách sạn (không rõ địa chỉ) ở quận Bình Thạnh để quan hệ tình dục. Khi quan hệ tình dục thì chị T khóc và dùng tay che mặt nên Q đã lấy điện thoại của mình để quay lại cảnh 02 người quan hệ tình dục, chị T phát hiện, yêu cầu Q xóa nhưng Q ra yêu cầu phải quan hệ tình dục

thêm 1 lần nữa mới xóa. Khoảng 02 ngày sau đó, thì Q hẹn chị T đến một khách sạn tại Quận 3 (không nhớ địa chỉ) để quan hệ tình dục thì Q sẽ xóa đoạn clip. Chị T lo sợ Q đăng tải đoạn clip lên mạng xã hội và cho gia đình chị biết nên đồng ý đến gặp để quan hệ tình dục với Q. Sau khi quan hệ tình dục, Q đã xóa đoạn clip trước mặt chị T.

Khoảng tháng 2 năm 2020, Q dùng 01 tài khoản ảo qua ứng dụng Zalo để liên lạc yêu cầu chị T nhắn tin cho tài khoản Q. Sau đó, Q nói chị T phải bù đắp cho Quân vì trước đó chị T đã chủ động liên lạc đề nghị tiếp tục mối quan hệ bạn tình nên yêu cầu chị T tự kéo áo để Q chụp lại hình ảnh của chị T và tiếp tục yêu cầu chị T gửi hình ảnh chụp khỏa thân cho Q. Chị T lo sợ Q vẫn còn giữ đoạn clip nên đã làm theo và gửi khoảng 50 hình ảnh bản thân không mặc quần áo (chụp từ bụng đến mặt). Đến tháng 3 năm 2020, Q đã dùng những hình ảnh khỏa thân của chị T để uy hiếp, yêu cầu chị T phải đưa tiền cho Q nên vào ngày 09/3/2020, chị T đã chuyển 2.000.000 đồng vào tài khoản MB Bank số 80301061xxxx của Q. Sau đó, trong khoảng thời gian từ tháng 3 năm 2020 đến tháng 6 năm 2020, Q đã uy hiếp tinh thần, ép buộc chị T phải quan hệ tình dục với Q thêm 02 lần tại các khách sạn trên địa bàn Quận 3. Đến tháng 7 năm 2020, Q yêu cầu chị T đưa số tiền 2.000.000 đồng thì sẽ xóa hết hình ảnh của chị T. Chị T đồng ý và đến số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3 đưa 2.000.000 đồng cho Q, Q cũng đã xóa hết hình ảnh của chị T.

Đến 14 giờ 36 phút ngày 17-07-2021, Q liên hệ với chị T qua ứng dụng Messenger và yêu cầu chị T phải quan hệ tình dục với Q nếu không Q sẽ đăng hình ảnh khỏa thân của chị T và clip quan hệ tình dục của hai người lên mạng xã hội. Q đã gửi hình ảnh chụp từ phần ngực đến cằm (hình này Q lấy trên mạng) cho 02 người bạn trên Facebook của chị T có tên là “Hong” và “Thanh”. Sau đó, chị T thỏa thuận đưa cho Q số tiền 5.000.000 đồng và quan hệ tình dục lần cuối cùng thì Q đồng ý. Đến 22 giờ 45 phút ngày 17-7-2021, chị T đến khách sạn Ga Sài Gòn tại số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3 gặp và đưa cho Q 5.000.000 đồng, sau đó cả hai vào khách sạn thuê phòng số 6 để quan hệ tình dục nhưng cả hai chưa quan hệ thì khoảng 23 giờ cùng ngày, Đội 3 Phòng Cảnh sát hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp với Công an Phường 9 Quận 3 kiểm tra, phát hiện, bắt giữ Q cùng tang vật đưa về trụ sở Công an Phường 9, Quận 3 lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, chuyển giao Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Quận 3 xử lý theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Quận 3, Q thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại bản Kết luận giám định về tình dục số 102/TD.21 ngày 23-8-2021, của Trung tâm pháp y - Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh xác định: màng trinh dẫn rộng, không rách; không thấy tinh trùng trong phết dịch âm đạo, vùng âm hộ và vùng hậu môn; chỉ hiện diện ADN người nam trong phết âm đạo và vùng âm hộ nhưng không đủ cơ sở so sánh ADN của đối tượng.

Vật chứng của vụ án:

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A11, màu xanh dương, số IMEI 1: 356347110032567/01, số IMEI 2: 356348110032565/01;

- 01 điện thoại di động Vivo 1906, màu đỏ, số IMEI 1: 861325043907939, số IMEI 2: 861325043907921;

- 01 túi đeo trước ngực, chất liệu vải bố, màu xanh, kích thước 40x20cm.

- Tập hình ảnh chụp tin nhắn giữa Q và chị T (lưu hồ sơ vụ án);

- Số tiền 5.000.000 đồng (Đã nộp kho bạc nhà nước).

Trách nhiệm dân sự: Chị T yêu cầu được bồi thường số tiền 10.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 19/CT-VKS-HS ngày 28-02-2022, Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 đã truy tố bị cáo Hà Anh Q về tội “Cưỡng dân” và “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm b khoản 2 Điều 143 và khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; đề nghị xử phạt bị cáo từ 03 năm đến 04 năm tù về tội “Cưỡng dân” và từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”; buộc bị cáo phải bồi thường cho chị T số tiền là 24.000.000 đồng; giao trả cho chị T số tiền 5.000.000 đồng. Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Vivo; giao trả cho bị cáo 01 điện thoại di động hiệu Samsung và một túi vải.

Bị cáo Hà Anh Q đã nhận thấy hành vi vi phạm pháp luật của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 3, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an Phường 9, Quận 3 lập ngày 18-7-2021; lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng cùng với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ cuối năm 2019 đến tháng 7-2020, bị cáo Hà Anh Q đã nhiều lần uy hiếp tinh thần với thủ đoạn dùng hình ảnh cá nhân và clip quay lại cảnh Q và chị T quan hệ tình dục để chiếm đoạt tài sản của chị T 02 lần với tổng số tiền là 4.000.000 đồng, đồng thời ép buộc chị T phải quan hệ tình dục trái ý muốn với bị cáo 03 lần là đã phạm tội “Cưỡng dân” và “Cưỡng đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 143 và khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Trước khi thực hiện việc phạm tội bị cáo Hà Anh Q hoàn toàn biết rõ việc dùng thủ đoạn đe uy hiếp nhằm giao cấu trái với ý muốn và chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi sai trái, sẽ bị xã hội lên án, pháp luật trừng trị nhưng bị cáo đã bất chấp lao vào con đường phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về tình dục của con người cũng như danh dự, phẩm giá của con người; đồng thời đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ; do vậy bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hành vi mình đã gây ra. Xét bị cáo phạm tội cưỡng đoạt nhiều lần, do đó áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo là có căn cứ.

[4] Tuy nhiên cũng xem xét tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ thật sự ăn năn hối cải; do đó áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

[5] Về hậu quả của vụ án: Bị cáo đã chiếm đoạt số tiền 4.000.000 đồng của chị T và tại phiên tòa hôm nay chị T yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại về tinh thần, sức khỏe, danh dự bị xâm phạm với số tiền là 20.000.000 đồng; tổng cộng số tiền bị cáo phải bồi thường là 24.000.000 đồng, phía bị cáo cũng đồng ý với yêu cầu trên. Xét đây là sự tự nguyện và không có gì trái với pháp luật, do vậy buộc bị cáo phải bồi thường số tiền trên là phù hợp. Số tiền 5.000.000 đồng do Cơ quan điều tra thu giữ là của chị T nên giao trả lại là có căn cứ.

[6] Về vật chứng của vụ án: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Vivo là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung và một túi vải là của bị cáo không liên quan đến vụ án nên giao trả lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Hà Anh Q đã phạm tội “Cưỡng dâm” và “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 143; khoản 1 Điều 170; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Hà Anh Q 03 (ba) năm tù về tội “Cưỡng dâm”; 02 (hai) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù chung cho cả hai tội là 05 (năm) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bị bắt phạm tội quả tang là ngày 18 tháng 7 năm 2021.

Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 589 Bộ luật Dân sự 2015; buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho chị Đỗ Thị Thái T số tiền 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Áp dụng điểm a khoản 2; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Giao trả cho chị Đỗ Thị Thái T số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu);

Giao trả cho bị cáo 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A11, màu xanh dương, số IMEI 1: 356347110032567/01, số IMEI 2: 356348110032565/01 (đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng máy bên trong) và 01 gói niêm phong có chữ ký, chữ viết của bà Lê Kim Thanh và mộc dấu của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Quận 3, bên trong chứa một túi đeo trước ngực, chất liệu vải bố, màu xanh, kích thước 40x20cm.

Tịch thu và nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Vivo 1906, màu đỏ, số IMEI 1: 861325043907939, số IMEI 2: 861325043907921 (đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng máy bên trong);

(Tài sản giao trả và tịch thu, nộp ngân sách nhà nước ghi trong Lệnh nhập kho vật chứng số 525 ngày 14-10-2021 và Giấy nộp tiền vào tài khoản số 3949.0.906.1612 ngày 03-8-2021 tại Kho bạc nhà nước Quận 3 của Công an Quận 3).

Áp dụng khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH3 ngày 25-11-2015 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn) án phí hình sự sơ thẩm và 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm ngàn) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo và người bị hại được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA